

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 30 - 7-2021  
V/v ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Khúc Trọng Quang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Khúc Thị Minh

Bà Vũ Thị Quỳ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quý Linh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐST- HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị T, sinh năm 2000; đăng ký nhân khẩu thường trú: Đội 9, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nơi ở hiện nay: Thôn X, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1993; đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn X, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn xin ly hôn đề ngày 31 tháng 5 năm 2021 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện K, nguyên đơn là chị Lò Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 7 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn anh, chị cùng chung sống tại thôn X, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng cùng với gia đình nhà chồng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến khoảng đầu năm

2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, phong cách sống không phù hợp, anh T1 thường xuyên rượu chè, không quan tâm đến cuộc sống chung còn thường xuyên đánh đập chị dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi lẫn nhau làm ảnh hưởng đến cuộc sống chung. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải xong không cải thiện được mà ngày càng căng thẳng hơn. Chị T đã sống ly thân với anh T1 từ tháng 5 năm 2021 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân chị T và anh T1 không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

Về con chung: Chị T khai vợ chồng không có con chung, do vậy không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T khai vợ chồng không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T1 thống nhất với lời khai của chị T về điều kiện kết hôn và thời gian chung sống nhưng anh không đồng ý với mâu thuẫn chị T nêu ra. Anh T1 cho rằng mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc chị T đi làm ca đêm, anh không đồng ý, giữa anh và chị T có nghi ngờ nhau về mặt tình cảm nên giữa hai vợ chồng thường xảy ra xích mích cãi cọ nhau. Anh và chị T đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2021 cho đến nay, nay chị T có đơn xin ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung và tài sản chung vợ chồng anh T1 đồng ý với lời khai của chị T, giữa anh và chị T không có con chung và tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị T và anh Nguyễn Văn T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của chị Lò Thị T được ly hôn anh T1. Về con chung và tài sản chung đề nghị hội đồng xét xử không xem xét; nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Lò Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1

Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn là chị Lò Thị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị T và anh Nguyễn Văn T1 là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên giữa hai vợ chồng thường xuyên cãi mắng xúc phạm nhau. Do mâu thuẫn nên chị T và anh T1 đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2021 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân chị T và anh T1 không còn quan tâm đến nhau nữa. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 phù hợp với lời khai của chị T và anh T1. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1, anh T1 cũng đồng ý ly hôn với chị T. Như vậy thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, khả năng vợ chồng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T xin ly hôn với anh T1.

[3] Về con chung: Chị T và anh T1 không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh T1 khai vợ chồng không có tài sản và vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lò Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.
2. Về nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
4. Về án phí: Chị Lò Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0009143 ngày 09/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ; anh Nguyễn Văn T1 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Khúc Thị Minh - Vũ Thị Quỳnh**

**Khúc Trọng Quang**